

**Phụ lục 2**

**DANH MỤC RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NỘI VỤ TRONG KỶ HỆ THỐNG HÓA (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

**VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN**

| <b>STT</b>                         | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản</b>                                     | <b>Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>  | <b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>   | <b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b> |
|------------------------------------|-------------------------|--|--|---|--|
| <b>LĨNH VỰC TỔ CHỨC - BIÊN CHẾ</b> |                         |  |  |   |  |
| <b>1</b>                           | Nghị định               | Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. | - Bãi bỏ tự chủ về tổ chức bộ máy (Điều 6);<br>- Bãi bỏ về Hội đồng quản lý (Điều 8).  | Nội dung bãi bỏ được quy định tại Điều 29 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. | 01/12/2020                               |
| <b>2</b>                           | Nghị định               | Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. | Bãi bỏ các nội dung quy định về tự chủ nhân sự quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/ 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (Điều 7). | Nội dung bãi bỏ được quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự       | 15/11/2020                               |

|   |           |  |  |  |            |
|---|-----------|--|--|--|------------|
|   |           |  |  | ngành công lập.  |            |
| 3 | Nghị định | Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.                 | Bãi bỏ khoản 1, 2, 6, 7, 8 Điều 13; khoản 3 Điều 14; khoản 3, 5 Điều 18; khoản 3 Điều 19; khoản 3 Điều 20; khoản 3, 4 Điều 21; khoản 3, 4 Điều 22 Nghị định số 123/2016/NĐ-CP.                                 | Được thay thế bằng Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP.  | 15/11/2020 |
| 4 | Nghị định | Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | Bãi bỏ khoản 1, 2, 6 Điều 4; Điều 5; Điều 6; khoản 1, 2, 5, 8, 9; 11; 12; 16; 17 Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP.  | Được thay thế bằng Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP.   | 25/11/2020 |
| 5 | Nghị định | Nghị định số 37/2014 ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.   | Bãi bỏ khoản 1 Điều 4; khoản 1, 3 Điều 5; khoản 4 Điều 6; khoản 1, 2, 4, 5, 6, 8, 9, 10 Điều 7; điểm a, khoản 1, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 8; Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP. | Được thay thế từ khoản 1 đến khoản 14 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Chính phủ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP.   | 25/11/2020 |
| 6 | Nghị định | Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế.  | Bãi bỏ Điều 8; khoản 2 Điều 9; khoản 1 Điều 10; khoản 4 Điều 13 Điều 24 Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014.  | Được thay thế bằng khoản 1, 2, 6, Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP (Các quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị | 10/12/2020 |

|                                       |           |  |   |  |            |
|---------------------------------------|-----------|--|---|--|------------|
|                                       |           |  |   | định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021).  |            |
| 7                                     | Nghị định | Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.   | Bãi bỏ khoản 2 Điều 1; khoản 6, 7 Điều 1; khoản 10 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018. | Được thay thế bằng khoản 1, 2, 6 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP (Các quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021). | 10/12/2020 |
| <b>LĨNH VỰC CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC</b> |           |  |   |  |            |
| 8                                     | Nghị định | Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. | Bãi bỏ Điều 2 (về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức).  | Nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 67 Nghị định số 115/2020/NĐ - CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.  | 29/9/2020  |
| 9                                     | Nghị định | Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi   | Bãi bỏ Nội dung liên quan đến xử lý kỷ luật viên chức (từ Điều 3 đến Điều 23).                        | Nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 44 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ   |            |

|           |           |  |  |  |            |
|-----------|-----------|--|--|--|------------|
|           |           | thường, hoàn trả của viên chức.  |  | về xử lý cán bộ, công chức, viên chức.   | 20/9/2020  |
| <b>10</b> | Nghị định | Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.   | Bãi bỏ chương 6 về xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã (Từ Điều 31 đến Điều 44).                        |  |            |
| <b>11</b> | Nghị định | Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. | Bãi bỏ Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.                                   | Nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 78 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.                     | 01/12/2020 |
| <b>12</b> | Nghị định | Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức.   | Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ.                  | Quy định tại Nghị định 104/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức. | 04/9/2020  |
| <b>13</b> | Nghị định | Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là   | Bãi bỏ Điều 11 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức. | Nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 78 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính   | 01/12/2020 |

|           |          | công chức.   |  | phủ.   |            |
|-----------|----------|--|--|--|------------|
| <b>14</b> | Thông tư | Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. | Bãi bỏ Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và Nội quy kỳ tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. | Nội dung bãi bỏ tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. | 20/01/2021 |
| <b>15</b> | Thông tư | 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.  | Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.  | Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức hết hiệu lực được thay thế bằng Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 (Các nội dung bãi bỏ được quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).  | 29/9/2020  |
| <b>16</b> | Thông tư | 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày   | Bãi bỏ Điều 2 Thông tư 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 (quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công  | Nghị định số 24/2010/NĐ-CP hết hiệu lực được thay thế bằng Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 (Các nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm   | 01/12/2020 |

|                                    |          |  |   |   |           |
|------------------------------------|----------|--|---|---|-----------|
|                                    |          | 09/10/2014 và thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức. | chức, tổ chức thi nâng ngạch công chức.   | a khoản 3 Điều 78 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP).   |           |
| 17                                 | Thông tư | 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ Chương I về Tuyển dụng viên chức (Từ Điều 1 đến Điều 10).</li> <li>- Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 quy định về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP.</li> <li>- Bãi bỏ Chương 2 về hợp đồng làm việc.</li> <li>- Bãi bỏ chương 3 về đền bù chi phí đào tạo.</li> </ul> | Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức hết hiệu lực được thay thế bằng Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 (Các nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 67 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP). | 29/9/2020 |
| <b>LĨNH VỰC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ</b> |          |  |   |   |           |
| 18                                 | Thông tư | Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ.  | Bãi bỏ khoản 2 Điều 1; điểm a khoản 2 Điều 4; Điều 6, Điều 7; Điều 8, điểm a, b khoản 2 Điều 11 và biểu mẫu số 7, 8, 9 tại Phụ lục I của Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ.  | Nội dung bãi bỏ được quy định tại Điều 2 Thông tư số 02/2020/TT-BNV ngày 14/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014.   | 01/9/2020 |

**LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG**

|           |          |   |   |  |            |
|-----------|----------|---|---|--|------------|
| <b>19</b> | Thông tư | Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019/TT của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng. | Bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019. | Nội dung bãi bỏ được quy định tại Điều 1 Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.. | 09/11/2020 |
|-----------|----------|---|---|--|------------|